

KHẢO SÁT SỰ HÀI LÒNG CỦA SINH VIÊN VỀ LƯỢNG GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC, ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Triệu Văn Nhật^{1*}, Bùi Thị Quỳnh Nhung¹,
Hà Xuân Sơn¹, Phạm Tuấn Vũ¹,
Trương Thị Hồng Hạnh¹, Vũ Thị Mai Hương Giang¹,
Đông Thị Thùy Linh¹, Đỗ Thị Châm¹, Nguyễn Văn Quế¹.

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Lượng giá kết quả học tập, cùng với chuẩn đầu ra và phương pháp dạy-học, là một trong ba khâu then chốt làm nên thành công trong hoạt động giáo dục và đào tạo. Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên đã thực hiện đổi mới CTĐT Bác sĩ ngành Y khoa, trong đó có đổi mới phương pháp lượng giá người học. Nghiên cứu này có hai mục tiêu: 1) khảo sát sự hài lòng của sinh viên về lượng giá kết quả học tập, 2) xác định những điểm mạnh và điểm tồn tại của các hình thức lượng giá đang được áp dụng.

Phương pháp nghiên cứu: Kết hợp nghiên cứu định tính và định lượng. Nghiên cứu mô tả, sử dụng bộ câu hỏi khảo sát sự hài lòng của sinh viên với lượng giá kết quả học tập, kết hợp thảo luận nhóm với sinh viên năm thứ nhất CTĐT đổi mới Bác sĩ ngành Y khoa.

Kết quả nghiên cứu: 250 sinh viên tham gia trả lời phiếu hỏi, kết quả: 76,8% sinh viên hài lòng với tính khách quan, công bằng của phương pháp kiểm tra đánh giá. Tỷ lệ hài lòng của sinh viên về sự rõ ràng, dễ hiểu của câu hỏi lượng giá; kết quả lượng giá phản ánh đúng năng lực; và sự phản hồi của giảng viên sau khi kết thúc lượng giá thấp hơn với tỷ lệ lần lượt là: 51,6%, 55,2% và 59,6%. Kết quả thảo luận nhóm nhỏ với 20 sinh viên cho thấy: 1) điểm mạnh là thông qua bài kiểm tra thường xuyên (RAEs) đã tạo lập cho sinh viên thói quen chủ động, tích cực trong học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp, tạo nền tảng hình thành kỹ năng học tập suốt đời; 2) sinh viên hứng thú với hình thức lượng giá trắc nghiệm; 3) lượng giá bằng hình thức trắc

nghiệm máy tính đảm bảo khách quan và công bằng; 4) câu hỏi nhớ lại/hiểu chiếm tỉ lệ cao, câu hỏi áp dụng hạn chế.

Kết luận: Sinh viên hài lòng với tính khách quan, công bằng của phương pháp kiểm tra đánh giá chiếm tỉ lệ cao nhất (76,8%). Hình thức lượng giá trắc nghiệm trên máy tính tạo sự hứng thú cho sinh viên. Tỷ lệ câu hỏi chưa cân đối giữa các mức độ nhớ, hiểu và áp dụng.

Khuyến nghị: Nhà trường cần rà soát số lượng và chất lượng câu hỏi trắc nghiệm, tăng số lượng các câu áp dụng, câu hỏi cần rõ ràng dễ hiểu, kết quả lượng giá cần được phản hồi ngay để sinh viên kịp thời xây dựng kế hoạch học tập phù hợp.

Từ khóa: Lượng giá kết quả học tập, sự hài lòng của sinh viên.

ABSTRACT

ASSESSING STUDENTS' SATISFACTION WITH THE ASSESSMENT OF LEARNING OUTCOMES AT THE UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY, THAI NGUYEN UNIVERSITY

Introduction: Along with the learning outcomes and teaching - learning method, student assessment is a substantial part that contributes to success in education and training activities. The University of Medicine and Pharmacy, Thai Nguyen University has reformed the training curriculum for the Medical Doctor Program, including the method of student assessment. This study has two objectives: 1) investigating student satisfaction with the assessment of learning outcomes, 2) identifying the strengths and weaknesses of the assessment methods being applied.

Methods: A combination of qualitative and quantitative research. A cross-sectional study design was conducted using a structured questionnaire and group discussion among

1. Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên

*Chịu trách nhiệm chính: Triệu Văn Nhật

Email: trieuwannhat@tump.edu.vn

Ngày nhận bài: 05/11/2021

Ngày phản biện khoa học: 16/11/2021

Ngày duyệt bài: 30/11/2021

the First-year students learning the Reformed Medical Doctor Program.

Results: 250 students answered the questionnaire. Among which, 76.8% of students reported satisfaction with the objectivity and fairness of the evaluation method. Students' satisfaction percentage with the clarity and intelligibility of the assessment question, the result reflection of capacity, feedback of lecturer after the evaluation was lower with 51,6%, 55,2%, and 59,6%, respectively. The results of a group discussion with 20 students indicated that: 1) the strength of the Competency-Based Evaluation was the Readiness Assessment Exercises (RAEs) which created the proactive and active learning habits and created a basis for lifelong learning skills; 2) students were fascinated by the multiple-choice assessment; 3) the Evaluation by computer-based multiple-choice was objectivity and fairness; 4) a high percentage of recalled/understanding questions, limited application questions were the weakness of the evaluation method.

Conclusion: The highest percentage of students' satisfaction was seen in the objectivity and fairness of the assessment method (76,8%). Students were interested in the Evaluation by computer-based multiple-choice. However, the percentage of recalled/understanding and application questions was not balanced.

Suggestion: The University has to review the quantity and quality of multiple-choice questions, increase the number of application questions, the questions need to be clear and uncomplicated, evaluation results need to be responded to immediately, so students can promptly develop appropriate study plans.

Keywords: Evaluation of Learning Outcome, Satisfaction of Student.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Dạy học là một quá trình hoạt động có tính mục đích thường bao gồm các thành tố cơ bản như: xây dựng mục tiêu, thiết kế nội dung, tổ chức hoạt động dạy - học và lượng giá kết quả học tập. Trong quá trình dạy học, người giáo viên phải xác định mục tiêu của bài học, nội dung và phương pháp dạy - học sao cho phù hợp với từng đối tượng người học. Lượng giá kết quả học tập giúp cung cấp thông tin để người giáo viên đánh giá chất lượng và hiệu quả của quá

trình dạy và học. Có thể thấy, lượng giá kết quả học tập là một phần không thể tách rời của quá trình dạy và học [1, 2].

Bản chất của lượng giá kết quả học tập là cung cấp thông tin để xác định mức độ đạt được của mục tiêu môn học. Để kiểm tra đánh giá thực sự trở thành công cụ quan trọng, đạt hiệu quả thì người giáo viên phải xác định rõ mục đích lượng giá, nắm được thế mạnh của các hình thức lượng giá, sau đó lựa chọn hoặc thiết kế được công cụ lượng giá phù hợp. Đồng thời, người giáo viên phải biết xử lý, phân tích, sử dụng các kết quả lượng giá đúng mục đích, biết cách phản hồi và tư vấn cho người học [1].

Bắt đầu từ năm học 2018-2019, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên triển khai thực hiện chương trình đào tạo (CTĐT) đổi mới ngành Y khoa. Chương trình này giúp sinh viên hình thành các kỹ năng mềm, tiếp cận cận lâm sàng sớm hơn, tăng cường khả năng ngoại ngữ, trau dồi ý đức và tính chuyên nghiệp. Đặc biệt, khi học chương trình đổi mới, sinh viên sẽ được đánh giá lồng ghép, toàn diện theo chuẩn năng lực và mục tiêu học tập bằng những công cụ lượng giá khác nhau, trong đó có nhiều hình thức lượng giá lần đầu tiên được áp dụng.

Nhằm xây dựng cơ sở để cải tiến chất lượng lượng giá người học, chúng tôi tiến hành nghiên cứu này với mục đích: 1) khảo sát sự hài lòng của sinh viên năm thứ nhất CTĐT đổi mới ngành Y khoa về lượng giá kết quả học tập, 2) xác định những điểm mạnh và điểm tồn tại của các hình thức lượng giá đang được áp dụng. Trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp để nâng cao chất lượng lượng giá người học trong thời gian tới.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng

Đối tượng nghiên cứu là sự hài lòng của sinh viên về lượng giá kết quả học tập.

Khách thể nghiên cứu là sinh viên năm thứ nhất, đang theo học CTĐT đổi mới ngành Y khoa tại Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên, năm học 2019 - 2020.

2.2. Phương pháp

Nghiên cứu định lượng được thực hiện thông qua bộ câu hỏi tự điền nhằm khảo sát sự hài lòng của sinh viên về các phương pháp lượng giá kết quả học tập.

Nghiên cứu định tính thông qua hoạt động thảo luận nhóm nhằm tìm ra những điểm mạnh, điểm tồn tại của các phương pháp lượng giá kết quả học tập.

2.3. Thu thập số liệu

Số liệu định lượng được thu thập thông qua ứng dụng Microsoft Forms từ ngày 11/09/2020 đến ngày 14/09/2020. Tỷ lệ phản hồi của sinh viên trong nghiên cứu này là 51,7% (250/484 sinh viên).

Số liệu định tính được thu thập thông qua thảo luận nhóm với 20 sinh viên được lựa chọn ngẫu nhiên.

2.4. Xử lý số liệu

Số liệu được xử lý thông qua phần mềm SPSS 20.0. Thống kê mô tả và phân tích chủ đề được sử dụng để phân tích dữ liệu.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu (n=250)

Bảng 1: Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu (n=250)

Đặc điểm		Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nam	106	42,4
	Nữ	144	57,6
Đối tượng	Liên thông	54	21,6
	Chính quy	193	77,2
	Cử tuyển/dự bị	3	1,2
Dân tộc	Dân tộc Kinh	175	70,0
	Dân tộc thiểu số	75	30,0

Nhận xét: Có 106 sinh viên nam và 144 sinh viên nữ thực hiện khảo sát. 193 sinh viên hệ chính quy, 54 sinh viên hệ liên thông và 03 sinh viên hệ cử tuyển. 175 sinh viên là dân tộc kinh, 75 sinh viên là dân tộc thiểu số.

3.2. Kết quả khảo sát về sự hài lòng với lượng giá kết quả học tập

Bảng 2: Sự hài lòng của sinh viên về lượng giá kết quả học tập (n=250)

Nội dung	Kết quả phản hồi						Điểm Trung bình	Tỷ lệ hài lòng %
	1	2	3	4	5			
	n (%)	n (%)	n (%)	n (%)	n (%)			
Các câu hỏi lượng giá (trước khi đến lớp, giữa học phần và cuối học phần) bao phủ nội dung và đáp ứng mục tiêu mà sinh viên đã được học	4 (1,6)	25 (10,0)	75 (30,0)	131 (52,4)	15 (6,0)	3,51	58,4	
Các câu hỏi lượng giá rõ ràng, dễ hiểu	6 (2,4)	31 (12,4)	84 (33,6)	107 (42,8)	22 (8,8)	3,43	51,6	
Phương pháp kiểm tra, lượng giá khách quan, công bằng	2 (0,8)	12 (4,8)	44 (17,6)	149 (59,6)	43 (17,2)	3,88	76,8	
Kết quả lượng giá phản ánh đúng năng lực (kiến thức, thái độ, hành vi) của sinh viên	4 (1,6)	13 (5,2)	95 (38,0)	112 (44,8)	26 (10,4)	3,57	55,2	

Nội dung	Kết quả phản hồi						
	1	2	3	4	5	Điểm Trung bình	Tỷ lệ hài lòng %
	n (%)	n (%)	n (%)	n (%)	n (%)		
Thời điểm lượng giá phù hợp và thuận tiện	4 (1,6)	20 (8,0)	85 (34,0)	114 (45,6)	27 (10,8)	3,56	56,4
Phản hồi của giảng viên về kết quả lượng giá giúp sinh viên cải thiện quá trình học tập	6 (2,4)	24 (9,6)	71 (28,4)	112 (44,8)	37 (14,8)	3,60	59,6
Chung	26 (1,7)	125 (8,3)	454 (30,3)	725 (48,3)	170 (11,3)	3,59	59,7

1 = Rất không hài lòng 2 = Không hài lòng 3 = Trung lập 4 = Hài lòng 5 = Rất hài lòng

Nhận xét: 58,4% sinh viên hài lòng với các câu hỏi lượng giá bao phủ nội dung và đáp ứng mục tiêu; 51,6% sinh viên cho rằng các câu hỏi lượng giá rõ ràng, dễ hiểu; 76,8% sinh viên hài lòng với tính khách quan, công bằng của phương pháp lượng giá; 55,2% cho rằng kết quả lượng giá phản ánh đúng năng lực; 56,4% sinh viên cho rằng thời điểm lượng giá phù hợp và 59,6% hài lòng về sự phản hồi của giảng viên sau khi kết thúc lượng giá.

3.3. Kết quả thảo luận nhóm về sự hài lòng với lượng giá kết quả học tập

Thảo luận nhóm nhỏ với 20 sinh viên cho thấy các phản hồi được chia thành 2 nhóm chính: phản hồi tích cực và phản hồi tiêu cực.

Nhóm phản hồi tích cực bao gồm: 1) bài kiểm tra thường xuyên (RAEs) đã tạo lập cho sinh viên thói quen chủ động, tích cực trong học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp, tạo nền tảng hình thành kỹ năng học tập suốt đời; 2) hình thức lượng giá trắc nghiệm tạo sự hứng thú cho sinh viên; 3) lượng giá bằng hình thức trắc nghiệm máy tính đảm bảo khách quan và công bằng.

Nhóm phản hồi tiêu cực bao gồm: câu hỏi nhớ lại/hiểu chiếm tỉ lệ cao, câu hỏi áp dụng còn hạn chế.

IV. BÀN LUẬN

* Sự hài lòng của sinh viên với lượng giá kết quả học tập

Tỷ lệ hài lòng chung về lượng giá kết quả học tập của sinh viên trong nghiên cứu này là 59,7% với số điểm trung bình là 3,59/5,0 (sắp xếp theo thứ tự tăng dần về mức độ hài lòng). Kết quả này cho thấy, đánh giá chung của sinh viên về phương pháp lượng giá là chưa cao. Về cơ bản, sự hài lòng của sinh viên với các phương pháp lượng giá đạt ở mức trung bình khá. Kết quả này khá tương đồng với nghiên cứu của Đỗ Minh Sơn, trong đó sự hài lòng của sinh viên với CTĐT (bao gồm kiểm tra đánh giá) đạt ở cấp trung bình khá (điểm trung bình là 3,54/5,0) [3].

Khảo sát cụ thể các tiêu chí của lượng giá kết quả học tập cho thấy: tính khách quan, công bằng của các phương pháp lượng giá được sinh viên đánh giá cao nhất với tỷ lệ hài lòng là 76,8% (số điểm trung bình là 3,88). Kết quả này cao hơn so với nghiên cứu của Đỗ Minh Sơn với tỉ

lệ hài lòng ở mức khá về tính minh bạch của kết quả học tập, rèn luyện (điểm trung bình là 3,61) [3]. Điều này cho thấy rằng các phương pháp lượng giá của nhà trường đã được tổ chức khá tốt, hạn chế được ảnh hưởng từ những yếu tố chủ quan và đảm bảo công bằng giữa các sinh viên. Điều này có thể được giải thích là do hiện tại tại nhà trường đang phối hợp nhiều loại hình, công cụ đánh giá khác nhau. Từ đó, giảm thiểu tối đa các hạn chế của mỗi loại hình và công cụ đánh giá. Bên cạnh đó, nội dung lượng giá được xây dựng phù hợp, đảm bảo vừa sức nhưng cũng có tính thách thức để người học có cơ hội áp dụng những kiến thức, kỹ năng đã được học.

Tỷ lệ hài lòng với sự phản hồi của giảng viên sau kết thúc lượng giá và sự bao phủ nội dung và mục tiêu của câu hỏi lượng giá là ở mức thấp hơn khá nhiều, với tỷ lệ lần lượt là 59,6% và 58,4%. Có thể thấy rằng, sinh viên có nhu cầu cao về việc được phân tích, phản hồi và tư vấn sau khi kết thúc lượng giá. Từ đó, giúp họ hoàn thiện và nâng cao kiến thức, kỹ năng đã được học.

Đồng thời, điều chỉnh các phương pháp học tập sao cho phù hợp với các môn học tiếp theo. Bên cạnh đó, nội dung của các câu hỏi lượng giá chưa được sinh viên đánh giá cao. Kết quả này thấp hơn so với nghiên cứu của Đỗ Minh Sơn khi cho thấy tỉ lệ hài lòng khá cao với việc kiểm tra và thi cuối kỳ bám sát với chương trình học (điểm trung bình là 3,74 so với 3,51 trong nghiên cứu này) [3].

Tỉ lệ hài lòng với thời điểm lượng giá (56,4%) và sự phản ánh đúng năng lực của kết quả lượng giá (55,2%) là chưa cao. Kết quả này cho thấy, thời điểm tổ chức các hình thức lượng giá như kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần và thi kết thúc học phần là chưa thật sự phù hợp, còn gây khó khăn cho sinh viên. Trên thực tế, lịch thi giữa học phần và thi kết thúc học phần của môn học được nhà trường sắp xếp khá gần nhau (cách 2-3 ngày thi một học phần) do đó thời gian để ôn tập khá ít nếu như sinh viên không chủ động sắp xếp thời gian. Chính vì vậy, dễ dẫn đến tình trạng sinh viên không biết học như thế nào để đạt được điểm cao và chọn cách học theo cảm tính hoặc học theo giới hạn đề cương ôn tập. Đó là một trong những nguyên nhân của việc kết quả lượng giá không phản ánh đúng và tin cậy kiến thức và kỹ năng của sinh viên. Nhất là khi kiểm tra hoặc thi vào những nội dung sinh viên chưa kịp ôn tập.

Tỉ lệ hài lòng với sự rõ ràng, dễ hiểu của các câu hỏi là thấp nhất ở trong nghiên cứu này với tỉ lệ chỉ đạt 51,6%. Có thể thấy rằng, nội dung các câu hỏi trong các đề thi, kiểm tra còn phức tạp, dễ gây nhầm lẫn hoặc sinh viên phải mất nhiều thời gian đọc và nghiên cứu trước khi trả lời. Điều này có thể lý giải là do việc biên soạn các câu hỏi của người giáo viên chưa thật sự tốt, chẳng hạn như có học phần có nhiều tình huống với nhiều số liệu, nhiều câu hỏi áp dụng dài và phức tạp hoặc có nhiều câu trả lời quá sát với đáp án đúng. Tất cả những điều này sẽ gây khó khăn cho sinh viên trong quá trình lượng giá.

***Điểm mạnh và điểm tồn tại của các phương pháp lượng giá kết quả học tập**

Phương pháp lượng giá kết quả học tập có các điểm mạnh như sau:

Bài kiểm tra thường xuyên (RAEs) đã tạo lập cho sinh viên thói quen chủ động, tích cực trong học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp, tạo nền tảng hình thành kỹ năng học tập suốt đời. Nhiều sinh viên cho biết kiểm tra thường xuyên giúp họ

nâng cao khả năng tự học và tạo thêm động lực, cơ hội để tiếp cận nhiều tài liệu hơn, không chỉ có giáo trình. Bên cạnh đó, thông qua việc chuẩn bị cho các bài kiểm tra thường xuyên, sinh viên sẽ nắm bắt kiến thức trên lớp nhanh hơn, đưa ra được nhiều câu hỏi hoặc tình huống thảo luận. Đặc biệt, sinh viên có thể chủ động nghiên cứu, tích lũy kiến thức và ôn tập để chuẩn bị cho các bài thi cuối kỳ thay vì việc phải nhồi nhét nhiều kiến thức trong cùng một thời gian. Kết quả này cũng phù hợp với các nghiên cứu của các tác giả khác, khi cho rằng sinh viên có mức độ tập trung cao hơn, có thói quen học tập tích cực hơn và kết quả học tập tốt hơn khi được thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập [4].

Hình thức lượng giá trắc nghiệm tạo sự hứng thú cho sinh viên. Hầu hết sinh viên trong nhóm thảo luận đều đồng ý rằng kiểm tra hoặc thi trắc nghiệm làm cho sinh viên cảm thấy hứng thú hơn không chỉ trong quá trình làm bài mà cả trong quá trình ôn tập vì sinh viên không phải học thuộc một cách máy móc một nội dung kiến thức, thay vào đó họ có cơ hội được tiếp cận khối lượng kiến thức toàn diện hơn. Bên cạnh đó, sinh viên không phải trình bày cách làm và quan trọng nhất là sinh viên có cơ hội được thử sức với các mức tư duy khác nhau như: khả năng ghi nhớ; áp dụng các nguyên tắc, nguyên lý; khả năng phân tích, suy luận, tổng quát trong quá trình trả lời các câu hỏi. Ngoài ra, kết quả thảo luận còn cho thấy, sinh viên hứng thú với hình thức lượng giá trắc nghiệm vì điểm số của bài trắc nghiệm không phụ thuộc vào chữ viết, khả năng trình bày, diễn đạt của sinh viên và chủ quan của người chấm.

Lượng giá bằng hình thức trắc nghiệm máy tính đảm bảo khách quan và công bằng. Kết quả thảo luận cho thấy sinh viên đánh giá cao tính khách quan và công bằng của hình thức thi trắc nghiệm trên máy tính. Hiện tại nhà trường đang triển khai nhiều phòng thi trắc nghiệm trên máy tính với hệ thống mạng LAN, không có kết nối mạng Internet. Phòng thi được trang bị nhiều máy tính có vách ngăn di động giữa các máy tính, đảm bảo sinh viên không thể quan sát được bài thi của người ngồi bên cạnh. Ngoài ra, phòng thi còn được trang bị hệ thống camera giám sát và luôn có ít nhất 03 cán bộ coi thi trong mỗi ca thi. Chính những điều này đã đảm bảo các buổi thi trắc nghiệm trên máy tính luôn được tổ chức

tốt, đảm bảo tính khách quan, công bằng và điều này luôn được sinh viên đánh giá cao.

Bên cạnh đó, phương pháp lượng giá kết quả học tập còn có một số hạn chế, đặc biệt là câu hỏi nhớ lại/hiểu chiếm tỉ lệ cao, câu hỏi áp dụng còn hạn chế. Nhiều sinh viên cho rằng, các câu hỏi nhớ lại tương đối nhàm chán, sinh viên chỉ cần học thuộc, trả lời thiếu động não. Chính vì vậy, các câu hỏi dạng này không kích thích được tư duy logic, các kỹ năng phân tích, tổng hợp thông tin nên không tạo được nhiều hứng thú cho sinh viên. Bên cạnh đó, các câu hỏi nhớ lại không khuyến khích được sinh viên trong việc tự học, tìm kiếm tài liệu mà sinh viên chỉ cần học các kiến thức trong giáo trình là đủ để đạt được điểm cao.

V. KẾT LUẬN

Kết quả khảo sát 250 sinh viên cho thấy:

Tỉ lệ hài lòng chung về lượng giá kết quả học tập trong nghiên cứu này đạt ở mức trung bình khá (59,7%).

Tỉ lệ hài lòng với tính khách quan, công bằng của các phương pháp là cao nhất (76,8%). Tỉ lệ hài lòng với: 1) sự phản hồi của giảng viên sau khi kết thúc lượng giá, 2) sự bao phủ nội dung và mục tiêu của câu hỏi lượng giá, 3) thời điểm lượng giá, 4) sự phản ánh đúng năng lực của kết quả lượng giá và 5) sự rõ ràng, dễ hiểu của các câu hỏi ở mức thấp hơn khá nhiều.

Kết quả thảo luận nhóm với 20 sinh viên cho thấy:

Điểm mạnh của các phương pháp lượng giá là: 1) bài kiểm tra thường xuyên tạo cho sinh viên thói quen chủ động, tích cực trong học tập, 2) hình thức lượng giá trắc nghiệm tạo được sự hứng thú cho sinh viên, 3) hình thức lượng giá trắc nghiệm trên máy tính đảm bảo khách quan và công bằng.

Điểm tồn tại của các phương pháp lượng giá là: câu hỏi nhớ lại chiếm tỉ lệ cao, câu hỏi áp dụng còn ít.

VI. KHUYẾN NGHỊ

Từ kết quả của nghiên cứu này, chúng tôi đề xuất một số nội dung như sau:

Thứ nhất, tiếp tục đa dạng hóa các hình thức lượng giá và lồng ghép các hình thức lượng giá

để hạn chế nhược điểm của mỗi hình thức kiểm tra, đánh giá. Cách thức đánh giá càng đa dạng thì mức độ chính xác trong đánh giá càng cao vì phản ánh khách quan tốt hơn.

Thứ hai, giảng viên cần phải phản hồi kết quả lượng giá cho sinh viên một cách kịp thời và đưa ra tư vấn hiệu quả từ đó khuyến khích sinh viên và giúp họ tìm ra những ưu điểm và hạn chế cần khắc phục để thay đổi và tìm ra phương pháp học tập phù hợp hơn.

Thứ ba, tổ chức các khóa đào tạo và tập huấn cho giảng viên về việc xây dựng ngân hàng câu hỏi, ra đề thi đảm bảo vừa bao phủ nội dung, mục tiêu của môn học, vừa ngắn gọn, rõ ràng. Bên cạnh đó, tiến hành rà soát và xây dựng thêm nhiều câu hỏi áp dụng, giảm tỉ lệ các câu hỏi nhớ lại/hiểu trong ngân hàng câu hỏi.

Thứ tư, các phòng chức năng cần phối hợp để xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên, tránh tình trạng thi quá nhiều môn cùng một lúc, gây khó khăn cho sinh viên.

Ngoài ra, các phòng chức năng cần tăng cường kiểm tra giám sát việc lượng giá kết quả học tập trong nhà trường, đảm bảo hoạt động kiểm tra, đánh giá diễn ra khách quan, công bằng và đúng quy định.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1. Giáo trình Kiểm tra đánh giá trong giáo dục:** Nguyễn Công Khanh, Đào Thị Oanh. Nhà xuất bản Đại học Sư Phạm. 2015. 10-20.
- 2. Giáo trình Kiểm tra đánh giá trong dạy học:** Sái Công Hồng, Lê Thái Hưng, Lê Thị Hoàng Hà, Lê Đức Ngọc. 2020. Trang 22 - 27.
- 3. Đỗ Minh Sơn.** "Nghiên cứu sự hài lòng của sinh viên Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng", Đại học Đà Nẵng. 2010. 1-25.
- 4. Heinicke, M. R., Zuckerman, C. K., & Cravalho, D. A.,** "An evaluation of readiness assessment tests in a college classroom: Exam performance, attendance, and participation. Behavior Analysis: Research and Practice", 2017. 17(2), 129-141.